

ĐIỂM VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019
BẠC MẦM NON

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	TRƯỜNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN	ĐIỂM	KHUYẾN KHÍCH	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
1	01	Trần Ngọc Hoàng Bích	10/05/1986	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 13	81.8			81.8	
2	02	Trần Quỳnh Như	12/05/1998	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 13	56.5			56.5	
3	03	Lê Phạm Thúy Diễm	27/02/1993	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 14	Vắng			Vắng	
4	04	Đoàn Thị Minh Hiền	22/04/1978	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 14	40.7			40.7	
5	05	Nguyễn Thị Luyến	02/02/1994	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 14	42.7			42.7	
6	06	Vương Thị Ngọc Lý	29/01/1988	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 14	42.7			42.7	
7	07	Lương Thị Hồng Phượng	05/11/1995	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 14	42.3			42.3	
8	08	Võ Thị Hoàng Thi	10/09/1984	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 14	41.3			41.3	
9	09	Nguyễn Thị Thanh Thủy	29/10/1997	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 14	73.3			73.3	
10	10	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	12/03/1993	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 14	78.3			78.3	
11	11	Tô Thị Thanh Trâm	09/01/1991	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 14	Vắng			Vắng	
12	12	Nguyễn Ngọc Bảo Khuê	12/10/1994	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 2	90.0			90.0	
13	13	Lê Hoàng Văn Anh	03/11/1998	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 4	74.3			74.3	
14	14	Vũ Thùy Thanh Hà	26/12/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 4	80.7			80.7	
15	15	Phạm Thị Xuân Mai	07/11/1978	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 4	49.0			49.0	
16	16	Lê Xuân Thủy	08/04/1997	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 4	Vắng			Vắng	
17	17	Lương Thị Hà Trang	10/08/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 4	48.0			48.0	
18	18	Lê Thị Ngọc Tuyền	03/07/1981	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 4	38.3			38.3	
19	19	Vũ Thụy Bảo Vy	03/07/1985	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 4	79.3			79.3	
20	20	Võ Huỳnh Bảo Ngọc	25/06/1990	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN 6	86.0			86.0	
21	21	Nguyễn Thị Hạnh	16/08/1985	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN Tân Sơn Nhất	80.0			80.0	
22	22	Huỳnh Thị Lan	29/09/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN Tân Sơn Nhất	89.7			89.7	
23	23	Lê Thị Thu Mai	24/12/1996	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN Tân Sơn Nhất	62.7			62.7	
24	24	Nguyễn Thị Hà Phương	08/11/1997	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN Tân Sơn Nhất	61.7			61.7	
25	25	Đoàn Thị Thu Trang	21/05/1987	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN Tân Sơn Nhất	68.7			68.7	
26	26	Nguyễn Thị Phương Vy	30/05/1990	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN Tân Sơn Nhất	72.7			72.7	
27	27	Phùng Thị Ngọc Yến	29/07/1979	Nữ	Giáo viên Mầm non	MN Tân Sơn Nhất	62.7			62.7	

THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN



Thái Hoàng Huy

Tân Bình, ngày 13 tháng 9 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT
Trần Khắc Huy

ĐIỂM VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019
BẠC TIỂU HỌC

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	TRƯỜNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN	ĐIỂM	KHUYẾN KHÍCH	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
1	01	Mai Kim Bạch Anh	30/08/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Bạch Đằng	63.7			63.7	
2	02	Lê Vũ Mỹ Khanh	18/07/1984	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Bạch Đằng	72.0			72.0	
3	03	Chu Thị Dinh	01/09/1992	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Bình Giã	52.3			52.3	
4	04	Nguyễn Thị Mai	30/06/1982	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Bình Giã	39.7			39.7	
5	05	Nguyễn Xuân Tuyết Nhi	27/04/1993	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Bình Giã	Vắng			Vắng	
6	06	Lê Thị Lan Anh	23/10/1995	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chi Lăng	Vắng			Vắng	
7	07	Đinh Tiến Dũng	22/08/1993	Nam	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chi Lăng	63.0			63.0	
8	08	Bùi Thị Hoa	21/04/1998	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chi Lăng	63.0			63.0	
9	09	Nguyễn Thị Hồng	29/01/1994	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chi Lăng	55.0			55.0	
10	10	Huỳnh Thanh Nguyên	12/03/1995	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chi Lăng	87.0			87.0	
11	11	Phạm Thị Thảo	16/05/1994	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Chi Lăng	Vắng			Vắng	
12	12	Nguyễn Xuân Hoa	01/01/1987	Nữ	Thẻ dực	TH CMT8	55.3			55.3	
15	15	Nguyễn Trường Thủy	17/10/1995	Nam	Thẻ dực	TH CMT8	79.7			79.7	
13	13	Võ Thị Kim Mai	23/08/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH CMT8	82.7			82.7	
14	14	Nguyễn Thị Thúy Nga	24/03/1988	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH CMT8	88.0			88.0	
16	16	Vũ Thị Như Thủy	20/06/1988	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH CMT8	66.3			66.3	
17	17	Phan Ngọc Hải Yến	01/03/1991	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH CMT8	Vắng			Vắng	
18	18	Mai Thị Thanh Tâm	11/10/1994	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Đồng Đa	75.7			75.7	
19	19	Đặng Hữu Thuận	31/07/1995	Nam	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Đồng Đa	67.7			67.7	
20	20	Lê Thị Ngọc Tường	22/02/1991	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Đồng Đa	66.3			66.3	
21	21	Võ Lê Hùng	16/03/1996	Nam	Thẻ dực	TH Hoàng Văn Thụ	72.0			72.0	
22	22	Vũ Tấn Phúc	14/10/1980	Nam	Tin học	TH Hoàng Văn Thụ	67.3			67.3	
23	23	Phạm Thị Ngọc Ánh	01/12/1996	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	87.7			87.7	
24	24	Nguyễn Phương Trúc Giang	14/02/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	81.0			81.0	
25	25	Phạm Trương Thị Mỹ Hà	20/07/1996	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	79.0			79.0	
26	26	Lại Thị Hoa	22/03/1980	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	Vắng			Vắng	
27	27	Thới Thị Cẩm Huyền	23/07/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	62.3			62.3	
28	28	Phan Thị Huyền	09/05/1986	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	67.0			67.0	
29	29	Hoàng Thị Liên	24/12/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	61.7			61.7	
30	30	Trần Ngọc Phương Linh	09/06/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	85.0			85.0	
31	31	Diệp Thoại Mai	05/09/1993	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	93.0			93.0	
32	32	Phùng Thị Trúc Thảo	29/08/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	74.3			74.3	
33	33	Vũ Thị Hoàng Thu	05/09/1996	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	63.3			63.3	
34	34	Lữ Quý Trân	24/12/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Thị Hồng Gấm	78.3			78.3	
35	35	Bùi Nguyễn Tuyết Vy	09/07/1987	Nữ	Thẻ dực	TH Lê Thị Hồng Gấm	82.0			82.0	
36	36	Trần Thanh Thuỳ	09/02/1998	Nam	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Lê Văn Sĩ	88.3			88.3	
37	37	Đặng Thị Trúc Duyên	14/09/1996	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Ngọc Hồi	79.7			79.7	
38	38	Phạm Thị Duyên	27/02/1996	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Ngọc Hồi	65.0			65.0	
39	39	Phạm Thị Loan	26/08/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Ngọc Hồi	46.7			46.7	



STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	TRƯỜNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN	ĐIỂM	KHUYẾN KHÍCH	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
40	40	Đặng Phương Mai	19/01/1998	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Ngọc Hồi	61.3			61.3	
41	41	Đỗ Thị Ngọc Huy	09/08/1983	Nữ	Tiếng Anh	TH Nguyễn Khuyến	84.0			84.0	
42	42	Đoàn Ngọc Mơ	01/07/1992	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Khuyến	82.0			82.0	
43	43	Lê Thị Thúy Quỳnh	14/01/1988	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Khuyến	81.3			81.3	
59	59	Vũ Diệp Thảo Vy	12/03/1995	Nữ	Âm nhạc	TH Nguyễn Thanh Tuyển	75.0			75.0	
44	44	Hồ Thị Lan Hương	24/08/1995	Nữ	Tiếng Anh	TH Nguyễn Thanh Tuyển	63.0			63.0	
54	54	Nguyễn Thị Thúy	26/02/1988	Nữ	Tiếng Anh	TH Nguyễn Thanh Tuyển	63.7			63.7	
45	45	Nguyễn Cao Kỳ	02/01/1983	Nam	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	Vắng			Vắng	
46	46	Hoàng Việt Lập	14/09/1997	Nam	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	71.3			71.3	
47	47	Trần Thị Khánh Linh	03/07/1994	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	72.3			72.3	
48	48	Trần Thị Nhật Linh	04/09/1998	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	53.0			53.0	
49	49	Vũ Thị Mai	24/12/1990	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	61.3			61.3	
50	50	Bùi Thị Mai Ngọc	16/10/1988	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	63.3			63.3	
51	51	Phạm Hoàng Nhân	12/01/1997	Nam	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	80.0			80.0	
52	52	Hoàng Lê Tuyết Nhung	15/05/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	69.7			69.7	
53	53	Bùi Thị Phương Thảo	23/10/1994	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	Vắng			Vắng	
55	55	Nguyễn Lê Huỳnh Trâm	25/01/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	51.0			51.0	
56	56	Trần Võ Diệu Trang	03/12/1994	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	73.0			73.0	
57	57	Võ Thanh Vi	14/09/1988	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	60.7			60.7	
58	58	Lê Nguyễn Thúy Vi	22/10/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	75.0			75.0	
60	60	Trần Thị Xoa	02/08/1996	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Thanh Tuyển	56.0			56.0	
61	61	Vũ Thị Chi	26/11/1987	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi	61.0			61.0	
62	62	Hoàng Thị Ngọc Hà	08/06/1998	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi	74.3			74.3	
63	63	Kiều Lê Minh Hiếu	03/03/1998	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi	60.3			60.3	
64	64	Lê Thị Mỹ Linh	14/05/1995	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi	49.7			49.7	
65	65	Nguyễn Vũ Hà My	22/10/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi	86.7			86.7	
66	66	Phùng Như Quỳnh	07/07/1998	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi	Vắng			Vắng	
67	67	Nguyễn Ngọc Như Trâm	18/11/1996	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi	85.7			85.7	
68	68	Hồ Thụy Thủy Trang	16/06/1981	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi	59.0			59.0	
69	69	Nguyễn Thị Thủy Trang	09/11/1998	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi	68.0			68.0	
70	70	Nguyễn Thị Thảo Vy	24/04/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Nguyễn Văn Trỗi	Vắng			Vắng	
71	71	Nguyễn Thị Cao Bảo	22/09/1981	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phạm Văn Hai	71.3			71.3	
72	72	Đào Thị Quỳnh Như	31/10/1982	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phạm Văn Hai	82.3			82.3	
73	73	Phạm Trần Linh Tâm	06/02/1990	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phạm Văn Hai	Vắng			Vắng	
74	74	Trần Thị Phương Thảo	27/05/1991	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phạm Văn Hai	Vắng			Vắng	
75	75	Hồ Anh Thư	30/12/1995	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phạm Văn Hai	69.7			69.7	
76	76	Tô Hoàng Thủy Trang	24/01/1996	Nữ	Tiếng Anh	TH Phạm Văn Hai	79.0			79.0	
78	78	Vũ Ngọc Hoàng	10/10/1982	Nam	Tin học	TH Phú Thọ Hòa	74.3			74.3	
87	87	Trịnh Thị Thu Thảo	15/03/1994	Nữ	Tiếng Anh	TH Phú Thọ Hòa	Vắng			Vắng	
89	89	Phạm Thị Huyền Trân	21/03/1994	Nữ	Tiếng Anh	TH Phú Thọ Hòa	74.7			74.7	
77	77	Đinh Thanh Dũng	28/10/1992	Nam	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phú Thọ Hòa	69.7			69.7	
79	79	Đường Thị Liên	25/07/1995	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phú Thọ Hòa	79.0			79.0	
80	80	Trần Thị Kiều Loan	13/01/1988	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phú Thọ Hòa	54.0			54.0	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	VỊ TRÍ DỰ TUYỂN	TRƯỜNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN	ĐIỂM	KHUYẾN KHÍCH	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
81	81	Nguyễn Thị Luyến	15/06/1980	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phú Thọ Hòa	53.7			53.7	
82	82	Đinh Thị Phương Nga	26/02/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phú Thọ Hòa	63.3			63.3	
83	83	Phạm Thị Hồng Nhung	11/03/1996	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phú Thọ Hòa	53.0			53.0	
84	84	Bùi Thị Hoài Phong	05/10/1996	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phú Thọ Hòa	67.7			67.7	
85	85	Hồ Thị Thúy Quyên	08/07/1998	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phú Thọ Hòa	84.7			84.7	
86	86	Nguyễn Thị Thảo	12/02/1994	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phú Thọ Hòa	53.0			53.0	
88	88	Trịnh Thị Thư	23/06/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phú Thọ Hòa	67.7			67.7	
90	90	Nguyễn Thị Hải Yến	08/11/1997	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Phú Thọ Hòa	63.3			63.3	
91	91	Lê Thị Hồng Châu	22/12/1985	Nữ	Tiếng Anh	TH Sơn Cang	Vắng			Vắng	
92	92	Trần Thị Hà	16/09/1993	Nữ	Tiếng Anh	TH Sơn Cang	71.7			71.7	
93	93	Đào Trường Thiên Lý	25/10/1986	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Tân Sơn Nhất	70.0			70.0	
94	94	Hoàng Thị Thùy Tiên	28/03/1995	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Tân Sơn Nhất	87.7			87.7	
97	97	Nguyễn Thị Mận	16/09/1991	Nữ	Tin học	TH Trần Quốc Toàn	41.7			41.7	
95	95	Bạch Thị Hồng Huệ	02/01/1991	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Trần Quốc Toàn	38.0			38.0	
96	96	Trần Thị Thu Hương	07/02/1988	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Trần Quốc Toàn	32.0			32.0	
98	98	Đoàn Thị Nhung	09/02/1998	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Trần Quốc Toàn	61.7			61.7	
99	99	Phùng Diệp Quỳnh	07/07/1998	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Trần Quốc Toàn	Vắng			Vắng	
100	100	Phạm Thị Nguyên Thảo	02/09/1994	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Trần Quốc Toàn	33.7			33.7	
101	101	Nguyễn Thị Thủy	28/02/1975	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Trần Quốc Toàn	24.0			24.0	
102	102	Đặng Hoàng Phương Vy	15/08/1994	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Trần Quốc Toàn	Vắng			Vắng	
103	103	Trần Thạch Thảo	02/03/1996	Nữ	Giáo viên dạy nhiều môn	TH Trần Văn Ôn	92.3			92.3	

THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN



Thái Hoàng Huy

Tân Bình, ngày 13 tháng 9 năm 2019

IM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PHÒNG GD&ĐT
Trần Khắc Huy

ĐIỂM VÒNG 2 KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019
BẬC TRUNG HỌC CƠ SỞ

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG	TRƯỜNG ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG	ĐIỂM	KHUYẾN KHÍCH	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
1	01	Nguyễn Trần Tâm Anh	22/01/1996	Nữ	Văn	THCS Âu Lạc	Vắng			Vắng	
2	02	Phạm Thị Hằng	05/08/1996	Nữ	Văn	THCS Âu Lạc	80.2			80.2	
3	03	Nguyễn Thị Phương Loan	21/09/1992	Nữ	Văn	THCS Âu Lạc	43.8			43.8	
4	04	Trần Hồng Nhung	27/03/1993	Nữ	Văn	THCS Âu Lạc	49.0			49.0	
5	05	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/02/1993	Nữ	Văn	THCS Âu Lạc	48.5			48.5	
6	06	Đặng Thị Kim Dung	14/02/1980	Nữ	GDCD	THCS Hoàng Hoa Thám	58.0			58.0	
7	07	Nguyễn Thành Hiếu	30/11/1996	Nam	Thẻ dục	THCS Hoàng Hoa Thám	Vắng			Vắng	
8	08	Nguyễn Thị Thanh Trúc	11/01/1995	Nữ	Sinh	THCS Hoàng Hoa Thám	66.7			66.7	
9	09	Lê Nguyễn Quốc Việt	07/07/1992	Nam	Thẻ dục	THCS Hoàng Hoa Thám	70.0	Bộ đội xuất ngũ	2.5	72.5	
10	10	Nguyễn Như Khánh Hào	22/11/1998	Nữ	Công nghệ nữ công	THCS Lý Thường Kiệt	84.0			84.0	
11	11	Trần Thị Kim Hoa	02/06/1994	Nữ	Sử	THCS Lý Thường Kiệt	86.3			86.3	
12	12	Huỳnh Phúc Hoàng	05/11/1992	Nam	Anh văn	THCS Lý Thường Kiệt	30.3			30.3	
13	13	Vũ Thị Thanh Hương	17/08/1984	Nữ	Văn	THCS Lý Thường Kiệt	74.3			74.3	
14	14	Trương Quốc Kim	02/11/1988	Nam	Sử	THCS Lý Thường Kiệt	72.0			72.0	
15	15	Trịnh Thị Thu Lan	22/06/1992	Nữ	Anh văn	THCS Lý Thường Kiệt	77.7			77.7	
16	16	Đặng Tuấn Nghĩa	15/07/1991	Nam	Sử	THCS Lý Thường Kiệt	41.7	Con Bệnh binh	5	46.7	
17	17	Lâm Thanh Ngọc	09/03/1994	Nữ	Anh văn	THCS Lý Thường Kiệt	45.7			45.7	
18	18	Nguyễn Văn Phước	15/08/1992	Nam	Sử	THCS Lý Thường Kiệt	47.7			47.7	
19	19	Nguyễn Thị Bích Phượng	27/10/1992	Nữ	Anh văn	THCS Lý Thường Kiệt	80.3			80.3	
20	20	Nguyễn Thị Thu Thảo	04/07/1996	Nữ	Anh văn	THCS Lý Thường Kiệt	85.3			85.3	
21	21	Nguyễn Thị Thúy	01/06/1981	Nữ	Sử	THCS Lý Thường Kiệt	48.7	Con thương binh	5	53.7	
22	22	Hoàng Thị Thu Thủy	29/11/1997	Nữ	Sinh	THCS Lý Thường Kiệt	78.7			78.7	
23	23	Phan Quốc Việt	16/09/1988	Nam	Anh văn	THCS Lý Thường Kiệt	52.7			52.7	
24	24	Nguyễn Thị Kiều Diễm	16/07/1994	Nữ	Địa lý	THCS Ngô Quyền	Vắng			Vắng	
25	25	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	16/11/1997	Nữ	Địa lý	THCS Ngô Quyền	85.3			85.3	
26	26	Nguyễn Thị Thúy Kiều	22/04/1996	Nữ	Địa lý	THCS Ngô Quyền	47.3			47.3	
27	27	Mai Tuấn Anh	03/02/1993	Nam	Văn	THCS Ngô Sĩ Liên	53.2			53.2	
28	28	Nguyễn Tuấn Anh	30/05/1997	Nam	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	48.3			48.3	
29	29	Trương Thị Thanh Bình	05/09/1991	Nữ	Sinh	THCS Ngô Sĩ Liên	Vắng			Vắng	
30	30	Đỗ Trần Ngọc Châu	09/01/1996	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	67.0			67.0	
31	31	Nguyễn Thị Nhật Hà	04/01/1994	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	Vắng			Vắng	
32	32	Nguyễn Thu Hằng	10/05/1979	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	66.7			66.7	
33	33	Phạm Thúy Hằng	10/09/1990	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	47.3			47.3	
34	34	Đường Kim Hằng	27/09/1997	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	62.3			62.3	
35	35	Nguyễn Thị Hằng	06/01/1997	Nữ	Địa lý	THCS Ngô Sĩ Liên	48.0			48.0	
36	36	Nguyễn Thị Hạnh	19/02/1995	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	Vắng			Vắng	



STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG	TRƯỜNG ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG	ĐIỂM	KHUYẾN KHÍCH	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
37	37	Trần Thị Thu Hiền	20/10/1992	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	Vắng			Vắng	
38	38	Nguyễn Thị Thanh Hương	23/12/1997	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	69.7			69.7	
39	39	Cao Thị Thanh Hương	29/09/1996	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	71.7			71.7	
40	40	Lê Thị Nhật Lê	11/07/1996	Nữ	Địa lý	THCS Ngô Sĩ Liên	71.7			71.7	
41	41	Doãn Bá Mạnh	17/11/1993	Nam	Âm Nhạc	THCS Ngô Sĩ Liên	47.7			47.7	
42	42	Vũ Thị Kim Ngọc	24/06/1996	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	78.0			78.0	
43	43	Mai Võ Vương Nhi	09/01/1993	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	49.3			49.3	
44	44	Nguyễn Thị Huỳnh Như	20/11/1992	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	46.7			46.7	
45	45	Lê Anh Phong	20/06/1993	Nam	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	46.3			46.3	
46	46	Hàng Trúc Phương	25/10/1992	Nữ	Văn	THCS Ngô Sĩ Liên	Vắng			Vắng	
47	47	Nguyễn Thị Thúy Thoa	24/04/1994	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	61.3			61.3	
48	48	Đặng Thị Phương Thuận	13/12/1997	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	Vắng			Vắng	
49	49	Hà Thị Ngọc Thủy	03/05/1983	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	80.3			80.3	
50	50	Ngô Thị Nhã Trang	30/11/1990	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	47.3			47.3	
51	51	Phạm Thị Xuân	04/01/1996	Nữ	Toán	THCS Ngô Sĩ Liên	59.7	Con thương binh	5	64.7	
52	52	Hồ Thị Trà My	20/06/1998	Nữ	Công nghệ CN	THCS Nguyễn Gia Thiều	61.7			61.7	
53	53	Trần Thị Nhung	20/12/1990	Nữ	Công nghệ nữ công	THCS Nguyễn Gia Thiều	Vắng			Vắng	
54	54	Huỳnh Lê Tường Vi	01/05/1991	Nữ	Âm Nhạc	THCS Nguyễn Gia Thiều	43.0			43.0	
55	55	Nguyễn Thị Nga	13/03/1979	Nữ	Văn	THCS Quang Trung	56.7			56.7	
56	56	Hoàng Thị Ngọc	13/09/1992	Nữ	Văn	THCS Quang Trung	41.9			41.9	
57	57	Trần Thị Trinh	02/02/1996	Nữ	Sinh	THCS Quang Trung	76.5			76.5	
58	58	Trần Đức Lộc	18/11/1997	Nữ	Lý	THCS Tân Bình	64.5			64.5	
59	59	Nguyễn Thủy Lưu	18/07/1997	Nữ	Lý	THCS Tân Bình	77.7			77.7	
60	60	Phạm Mai Trúc My	28/07/1993	Nữ	Lý	THCS Tân Bình	88.3	Con thương binh	5	93.3	
61	61	Hoàng Đan Quỳnh	20/04/1993	Nữ	Lý	THCS Tân Bình	79.3			79.3	
62	62	Cao Diệp Quỳnh	01/06/1996	Nữ	Lý	THCS Tân Bình	82.3			82.3	
63	63	Phạm Thị Thơm	27/01/1996	Nữ	Lý	THCS Tân Bình	78.8			78.8	
64	64	Nguyễn Thị Anh Thư	15/05/1995	Nữ	GDCD	THCS Tân Bình	Vắng			Vắng	
65	65	Lê Thị Phi Thuyền	01/09/1992	Nữ	Lý	THCS Tân Bình	58.8			58.8	
66	66	Dương Thị Mỹ Tiên	19/02/1995	Nữ	Lý	THCS Tân Bình	64.0			64.0	
67	67	Nguyễn Thụy Thùy Trang	26/01/1993	Nữ	Lý	THCS Tân Bình	Vắng			Vắng	
68	68	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	12/02/1985	Nữ	GDCD	THCS Tân Bình	47.7			47.7	
69	69	Cao Thị An	06/06/1996	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Đang	70.0			70.0	
70	70	Võ Văn Cẩm	06/06/1981	Nam	Toán	THCS Trần Văn Đang	41.0	Con thương binh	5	46.0	
71	71	Trần Thị Dung	18/01/1995	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Đang	47.0			47.0	
72	72	Nguyễn Văn Minh	22/02/1996	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Đang	Vắng			Vắng	
73	73	Trần Đức Phong	22/08/1980	Nam	Toán	THCS Trần Văn Đang	46.0			46.0	
74	74	Nguyễn Trung Thành	11/02/1984	Nam	Toán	THCS Trần Văn Đang	46.0			46.0	
75	75	Nguyễn Ngọc Thái An	14/10/1997	Nữ	Âm Nhạc	THCS Trần Văn Quang	74.7			74.7	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG	TRƯỜNG ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG	ĐIỂM	KHUYẾN KHÍCH	ĐIỂM ƯU TIÊN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
76	76	Nguyễn Quốc Bảo	08/09/1996	Nam	Địa lý	THCS Trần Văn Quang	60.0			60.0	
77	77	Phan Huỳnh Diệu	04/02/1995	Nữ	Địa lý	THCS Trần Văn Quang	Vắng			Vắng	
78	78	Đỗ Việt Đức	26/06/1983	Nam	GDCD	THCS Trần Văn Quang	78.0			78.0	
79	79	Trần Khương Duy	19/12/1992	Nam	Toán	THCS Trần Văn Quang	39.7			39.7	
80	80	Phạm Thị Mỹ Hạnh	14/06/1995	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Quang	42.0			42.0	
81	81	Đoàn Thị Hiền	07/11/1984	Nữ	Văn	THCS Trần Văn Quang	Vắng			Vắng	
82	82	Hồ Châu Hiếu	29/05/1991	Nam	Anh văn	THCS Trần Văn Quang	Vắng			Vắng	
83	83	Huỳnh Thị Hòa	27/10/1995	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Quang	45.3			Vắng	
84	84	Tổng Thị Hoài	06/08/1995	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Quang	46.7			46.7	
85	85	Ngô Thị Huệ	05/08/1982	Nữ	Văn	THCS Trần Văn Quang	45.3			45.3	
86	86	Ngô Hồng Khanh	21/08/1995	Nam	Toán	THCS Trần Văn Quang	37.3			37.3	
87	87	Phạm Thị Kiên	25/12/1992	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Quang	Vắng			Vắng	
88	88	Đặng Thị Minh	02/10/1983	Nữ	Anh văn	THCS Trần Văn Quang	75.0			75.0	
89	89	Phan Thị Thanh Nga	20/01/1991	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Quang	68.0			68.0	
90	90	Dương Thị Bích Ngọc	19/02/1984	Nữ	Văn	THCS Trần Văn Quang	Vắng			Vắng	
91	91	Nguyễn Thị Thủy Nhung	05/09/1993	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Quang	79.0			79.0	
92	92	Nguyễn Văn Phúc	10/02/1983	Nam	Toán	THCS Trần Văn Quang	36.3			36.3	
93	93	Nguyễn Đình Phúc	22/11/1995	Nam	Toán	THCS Trần Văn Quang	33.0			33.0	
94	94	Trịnh Thị Phương	16/06/1997	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Quang	39.3			39.3	
95	95	Đinh Thị Quang	14/06/1994	Nữ	Địa lý	THCS Trần Văn Quang	75.7			75.7	
96	96	Tăng Xuân Sơn	21/05/1993	Nam	Toán	THCS Trần Văn Quang	45.7			45.7	
97	97	Lê Thị Thanh Tâm	20/02/1997	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Quang	43.3			43.3	
98	98	Trần Ngọc Thuận	07/02/1995	Nam	Toán	THCS Trần Văn Quang	72.3			72.3	
99	99	Trần Thị Trang	06/12/1997	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Quang	77.3			77.3	
100	100	Bùi Anh Trang	28/05/1989	Nam	Toán	THCS Trần Văn Quang	35.3			35.3	
101	101	Võ Thị Tuyền	10/10/1991	Nữ	Địa lý	THCS Trần Văn Quang	Vắng			Vắng	
102	102	Bùi Thị Ngọc Tuyền	04/12/1992	Nữ	Văn	THCS Trần Văn Quang	73.0			73.0	
103	103	Phạm Thị Yển	05/06/1990	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Quang	53.3			53.3	
104	104	Nguyễn Thị Hải Yến	02/03/1997	Nữ	Toán	THCS Trần Văn Quang	37.0			37.0	
105	105	Nguyễn Quốc Bình	22/06/1995	Nam	Âm nhạc	THCS Trường Chinh	59.7			59.7	
106	106	Nguyễn Hữu Đình	06/11/1997	Nữ	Toán	THCS Trường Chinh	Vắng			Vắng	
107	107	Lê Trường Giang	10/04/1995	Nữ	Lý	THCS Trường Chinh	60.3			60.3	
108	108	Nguyễn Ngọc Hạnh	17/11/1993	Nam	Lý	THCS Trường Chinh	71.3			71.3	
109	109	Nguyễn Thị Mỹ	16/09/1993	Nữ	Lý	THCS Trường Chinh	75.0			75.0	
110	110	Nguyễn Văn Nguyên	05/01/1991	Nam	Toán	THCS Trường Chinh	72.3			72.3	
111	111	Huỳnh Trang Phương	15/07/1985	Nữ	Lý	THCS Trường Chinh	85.0			85.0	
112	112	Lê Thị Việt Phương	02/08/1991	Nữ	Toán	THCS Trường Chinh	73.3			73.3	
113	113	Nguyễn Trọng Quốc	22/09/1989	Nam	Lý	THCS Trường Chinh	75.3			75.3	
114	114	Đặng Thị Quyền	03/04/1997	Nữ	Lý	THCS Trường Chinh	60.0			60.0	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	GIỚI TÍNH	VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG	TRƯỜNG ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG	ĐIỂM	KHUYẾN KHÍCH	ĐIỂM ƯU TIỀN	TỔNG ĐIỂM	GHI CHÚ
115	115	Lê Thị Mỹ Thắm	12/08/1993	Nữ	Lý	THCS Trường Chinh	Vắng			Vắng	
116	116	Lê Thị Phương Thảo	15/05/1995	Nữ	Toán	THCS Trường Chinh	85.7			85.7	
117	117	Triệu Nguyên Thịnh	15/03/1993	Nam	Toán	THCS Trường Chinh	90.0			90.0	
118	118	Trần Thị Kim Thoa	29/11/1994	Nữ	Lý	THCS Trường Chinh	82.0			82.0	
119	119	Nguyễn Thị Thanh Thủy	20/02/1995	Nữ	Lý	THCS Trường Chinh	68.0			68.0	
120	120	Đặng Thị Thanh Thủy	30/11/1988	Nữ	Lý	THCS Trường Chinh	74.0			74.0	
121	121	Võ Thị Thu Thủy	27/06/1993	Nữ	Lý	THCS Trường Chinh	70.0			70.0	
122	122	Đồng Thị Thu Trang	21/12/1995	Nữ	Toán	THCS Trường Chinh	86.3			86.3	
123	134	Phạm Văn Giang	27/09/1990	Nam	CNCN	THCS Trường Chinh	Vắng	Con thương binh	5	Vắng	
124	123	Phạm Vũ Bảo	12/07/1995	Nam	Địa lý	THCS Võ Văn Tần	67.0			67.0	
125	124	Nguyễn Việt Dương	09/06/1992	Nam	Toán	THCS Võ Văn Tần	84.7			84.7	
126	125	Tạ Thị Hà	26/07/1992	Nữ	Toán	THCS Võ Văn Tần	83.0			83.0	
127	126	Định Thị Thu Hằng	27/12/1992	Nữ	Toán	THCS Võ Văn Tần	Vắng			Vắng	
128	127	Nguyễn Thị Thu Hương	06/04/1997	Nữ	Văn	THCS Võ Văn Tần	76.7			76.7	
129	128	Nguyễn Thị Thu Phương	12/03/1994	Nữ	Sinh	THCS Võ Văn Tần	60.0			60.0	
130	129	Vũ Thị Phương	16/04/1993	Nữ	Toán	THCS Võ Văn Tần	81.3			81.3	
131	130	Đinh Sỹ Quốc	03/05/1992	Nam	Sử	THCS Võ Văn Tần	57.3			57.3	
132	131	Phạm Duy Thành Tài	30/05/1997	Nam	Ngữ Văn	THCS Võ Văn Tần	68.3			68.3	
133	132	Nguyễn Thị Thùy	21/06/1995	Nữ	Sinh	THCS Võ Văn Tần	Vắng			Vắng	
134	133	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	19/05/1997	Nữ	Toán	THCS Võ Văn Tần	Vắng			Vắng	

THỦ KÝ
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



Thái Hoàng Huy

Tân Bình, ngày 13 tháng 9 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT
Trần Khắc Huy